

**TOYOTA**  
*chuyên động tiên phong*



**TOYOTA**

**FINANCIAL SERVICES** | TÍN DỤNG MUA XE

**VAY TỬ TOYOTA, MUA XE TOYOTA. Xin vui lòng liên hệ:**  
Công ty Tài chính Toyota Việt Nam. Tel: 028 73090998 / Fax: 028 39110113  
www.toyotafinancial.com.vn | info@toyotafinancial.com.vn  
Hệ thống Đại lý ủy quyền Toyota trên toàn quốc

**ĐƯỜNG DÂY NÓNG PHỤC VỤ KHÁCH HÀNG** Hotline: 1800.1524  
**CUSTOMER SERVICE HOTLINE** Mobile: 0916 001 524  
Email: fmv\_cs@toyotavn.com.vn



**TOYOTA**  
*chuyên động tiên phong*

# **FORTUNER**

## **LỊCH LÃM - PHONG CÁCH!**







*Fortuner tiếp tục khẳng định vị thế dẫn đầu phân khúc SUV không chỉ với những cải tiến vượt trội mang đến khả năng vận hành mạnh mẽ và những tiện nghi tối ưu trên mọi hành trình. Diện mạo lịch lãm và phong cách giúp tôn lên vị thế của chủ sở hữu, Fortuner sẵn sàng cùng bạn khai phá những trải nghiệm mới.*

**LỊCH LÂM - PHONG CÁCH!**



# PHIÊN BẢN LEGENDER

Một phiên bản nâng tầm vị thế của Fortuner.  
Mạnh mẽ đầy cá tính. Bóng bẩy đậm chất SUV.



## PHẦN ĐẦU XE

Thiết kế phần đầu xe với lưới tản nhiệt khỏe khoắn kết hợp với đèn LED cool ngầu mang lại vẻ hiện đại và trẻ trung cho một chiếc SUV đô thị.

## CỤM ĐÈN TRƯỚC

Được thiết kế riêng biệt cho phiên bản Legend, cụm đèn trước LED gồm hai bóng chiếu xa, hai bóng chiếu gần tích hợp dải đèn chiếu sáng ban ngày, góp phần nâng tầm phong thái hào hoa cho chiếc xe.



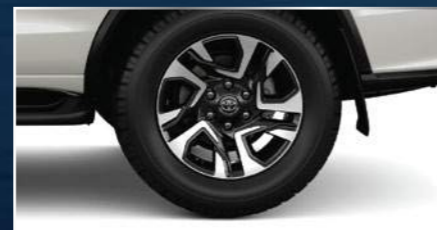
## CỤM ĐÈN SAU

Ấn tượng với thiết kế hiện đại, đậm chất thể thao phù hợp với phong cách SUV. Thiết kế mới giúp tăng độ nhận diện vào ban đêm, tăng độ an toàn khi lái xe.



## ĐÈN SƯƠNG MÙ

Đèn sương mù LED tách rời tạo điểm nhấn đặc biệt cho phần thiết kế phía trước.



## MÂM XE

Phiên bản Legend được trang bị mâm xe 18 inch gồm hai tông màu đen-bạc sang trọng và thể thao.

# PHIÊN BẢN TIÊU CHUẨN

Uy thế không thể chối từ của Fortuner - chiếc SUV hàng đầu phân khúc, với sự sang trọng tinh tế.



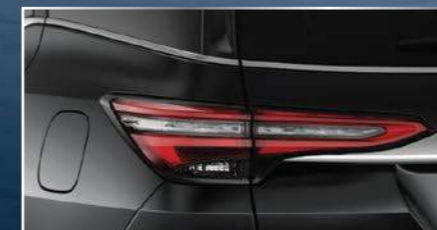
(BẢN 2.8 4x4 AT)

## PHẦN ĐẦU XE

Nhằm tôn lên vẻ ngoài khỏe khoắn mà sang trọng, lưới tản nhiệt và ốp cản trước được mở rộng cùng với thiết kế liền mạch giữa hai bên đầu xe.

## CỤM ĐÈN TRƯỚC

Cụm đèn trước gồm đèn LED và đèn chiếu sáng ban ngày LED được thiết kế thon gọn cùng đường nhấn sắc sảo, hiện đại giúp làm nổi bật uy thế của Fortuner.



## CỤM ĐÈN SAU

Thiết kế hài hòa vượt trội từ hai bên thân xe cùng dải đèn LED chiếu sáng tối ưu vào ban đêm.



## ĐÈN SƯƠNG MÙ

Đèn sương mù LED kết hợp tinh tế với thiết kế liền mạch giữa hai bên đầu xe.



## MÂM XE

Thể hiện phong cách mạnh mẽ mà sang trọng nhờ kích thước lớn 18 inch và 6 chấu kép.



# NỘI THẤT HOÀN HẢO



BẢN LEGENDER



BẢN TIÊU CHUẨN



## CỤM ĐỒNG HỒ

Ngoại trừ phiên bản 2.4L 4x2 MT, tất cả các phiên bản của Fortuner đều được trang bị cụm đồng hồ hiển thị đa thông tin Optitron sắc nét, màn hình TFT dễ dàng cung cấp những thông tin hữu ích cho người lái trên mọi cung đường.



## TAY LÁI

Cảm nhận sự vững chãi và sang trọng khi đặt tay lên vô lăng với chất liệu cao cấp, tích hợp nhiều nút bấm điều khiển tiện lợi cùng khả năng điều chỉnh 4 hướng giúp người lái dễ dàng tìm vị trí lái thích hợp.



## CẦN SỐ

Công nghệ gia công hoàn thiện xuất sắc, kết hợp với thiết kế hiện đại và chất liệu cao cấp bọc da, mạ bạc, ốp gỗ.



# VẬN HÀNH MẠNH MẼ

## ĐỘNG CƠ (1GD)

Ở 2 phiên bản 2.8L, với những tinh chỉnh trong thiết kế, giúp động cơ của Fortuner thuộc TOP động cơ mạnh nhất phân khúc khi công suất đạt 201 hp / 3400 v/p (tăng 17 hp) và mô men xoắn đạt 500 Nm / 1600 v/p. Với công nghệ mới giúp tiết kiệm nhiên liệu và giảm tiếng ồn từ động cơ.

## ĐỘNG CƠ (2GD)

Trên các phiên bản 2.4L, Fortuner được trang bị động cơ đầu 2GD-FTV 4 xy-lanh thẳng hàng, với công nghệ turbo tăng áp biến thiên.

## ĐỘNG CƠ (2TR)

2 phiên bản nhập khẩu 2.7L được trang bị động cơ xăng 2TR-FE cải tiến, 4 xy-lanh thẳng hàng, 16 van, trục cam kép, VVT-i kép, đảm bảo tính năng vận hành êm ái và dễ dàng. Hệ thống van phối khí thông minh VVT-i kép là một tiến bộ bậc nhất trong việc tiết kiệm nhiên liệu và khả năng nhanh chóng đạt tốc độ cao và an toàn ngay khi xuất phát.



## GÀI CẦU ĐIỆN

Với cơ chế gạt cầu điện, khả năng vận hành của các phiên bản 2.8L và 2.7L 4x4 AT vẫn mạnh mẽ mà tiện nghi và dễ sử dụng.



## KHÓA VI SAI CẦU SAU

Tính năng khóa vi sai cầu sau được trang bị trên các phiên bản 2.8L và 2.7L 4x4 AT, giúp khách hàng trải nghiệm cảm giác chinh phục với những cung đường địa hình khó khăn.



## CHẾ ĐỘ LÁI ECO VÀ SPORT

Trên 2 phiên bản 2.8L, tùy vào hành trình di chuyển, chủ sở hữu có thể chọn chế độ ECO giúp tối ưu hóa tính năng tiết kiệm nhiên liệu; và chế độ SPORT giúp tối ưu hóa tính năng vận hành (vượt xe, vượt đèo, chớ tải).



## HỘP SỐ

Ngoại trừ phiên bản 2.4L 4x2 MT, các phiên bản khác của Fortuner được trang bị hộp số tự động 6 cấp giúp chuyển số nhịp nhàng, tăng tốc tốt hơn, vận hành mượt mà hơn, và tiết kiệm nhiên liệu hơn.



## HỆ THỐNG TRỢ LỰC LÁI THỦY LỰC BIẾN THIÊN THEO TỐC ĐỘ (VFC)

Hệ thống hỗ trợ điều khiển xe nhẹ nhàng ở tốc độ thấp và ổn định tới ưu ở tốc độ cao cung khả năng đáp ứng nhanh nhạy, tạo cảm giác lái thoải mái tự nhiên.

# TIỆN NGHI ĐẲNG CẤP



## MÀN HÌNH DVD CẢM ỨNG

Ngoại trừ 2 phiên bản 2.4L 4x2 MT và 2.4L 4x2 AT, Fortuner được trang bị màn hình cảm ứng 8 inch rộng lớn hiển thị đa thông tin để điều khiển các tính năng cao cấp như Bluetooth, hệ thống định vị.



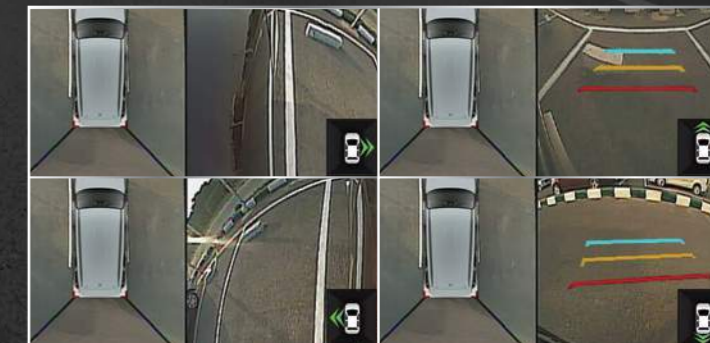
## MỞ CỐP RÀNH TAY

Chức năng đá cốp được trang bị trên 2 phiên bản Legendar và phiên bản 2.8L 4x4 AT giúp thao tác mở cửa sau đơn giản và nhẹ nhàng.



## HỆ THỐNG ÂM THANH

Hệ thống 11 loa JBL đẳng cấp được trang bị trên 2 phiên bản 2.8L và phiên bản 2.7L 4x4 AT mang đến chất lượng âm thanh sắc nét, trung thực cho mọi hành khách trên xe.



## CAMERA TOÀN CẢNH 360

Camera toàn cảnh 360 được trang bị trên 2 phiên bản Legendar và phiên bản 2.8L tiêu chuẩn, gồm 4 camera (trước, sau, trái, phải) hỗ trợ lái xe an toàn, tránh bị va chạm, trầy xước xe khi di chuyển hay đỗ xe tại các khu vực hẹp.



# ĐỈNH CAO CÔNG NGHỆ AN TOÀN

Bên cạnh các tính năng an toàn bị động và chủ động tiên tiến, trên 2 phiên bản 2.8L còn được tích hợp tính năng an toàn cao cấp TOYOTA SAFETY SENSE – một chuẩn mực mới mang đến sự yên tâm trên mọi hành trình cũng như góp phần đảm bảo sự an toàn cho tất cả mọi người.



Toyota Safety Sense



## HỆ THỐNG CẢNH BÁO TIỀN VÀ CHẠM (PCS)

Là hệ thống an toàn chủ động, khi phát hiện và chạm có thể xảy ra với phương tiện khác, hệ thống sẽ cảnh báo người lái đồng thời kích hoạt phanh hỗ trợ khi người lái đạp phanh hoặc tự động phanh khi người lái không đạp phanh.



## HỆ THỐNG ĐIỀU KHIỂN HÀNH TRÌNH CHỦ ĐỘNG (DRCC)

Là công nghệ an toàn chủ động sử dụng radar gắn dưới lưới tản nhiệt phía trước cùng với camera để phát hiện các phương tiện phía trước. Đồng thời tự động điều chỉnh tốc độ để đảm bảo khoảng cách an toàn với các phương tiện đang lưu thông.



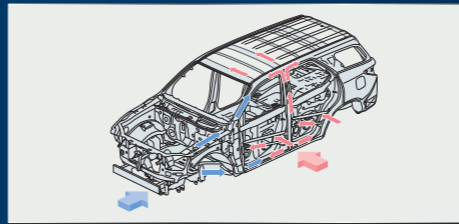
## HỆ THỐNG CẢNH BÁO LỆCH LÀN (LDA)

Hệ thống cảnh báo người lái bằng âm thanh và đèn hiệu cảnh báo khi xe bắt đầu rời khỏi làn đường mà không bật tín hiệu rẽ.



## TÚI KHÍ

7 túi khí được trang bị giúp giảm thiểu tối đa chấn thương cho người lái và hành khách trong trường hợp không may xảy ra va chạm.



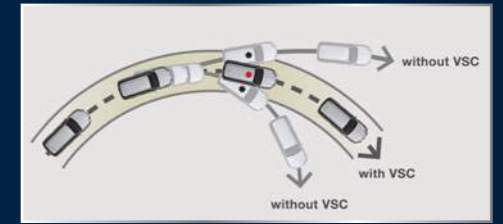
## KHUNG XE GOA

Khung xe có các vùng cơ rụm phía trước, phía sau giúp hấp thụ tốt các xung lực và đập, ngoài ra các thanh tăng cứng bên sườn xe làm giảm biến dạng khoang hành khách, giảm thiểu chấn thương trong trường hợp không may xảy ra va chạm.



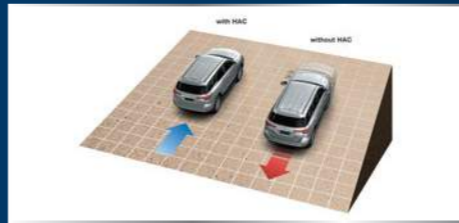
## CẢM BIẾN HỖ TRỢ ĐỖ XE

Hệ thống gồm 6 cảm biến đặt phía trước và phía sau xe giúp phát hiện và cảnh báo có vật tĩnh bằng âm thanh và đèn hiệu, hỗ trợ người lái xử lý tình huống nhanh chóng và an toàn.



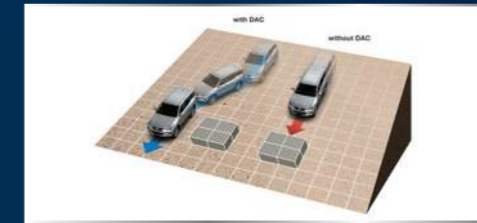
## HỆ THỐNG CÂN BẰNG ĐIỆN TỬ VSC VỚI CÔNG TẮC TẮT OFF

Hệ thống VSC điều tiết công suất động cơ và phân bố lực phanh hợp lý tới từng bánh xe, nhờ đó giảm thiểu nguy cơ mất lái và trượt bánh xe đặc biệt trên các cung đường trơn trượt hay khi vào cua gấp.



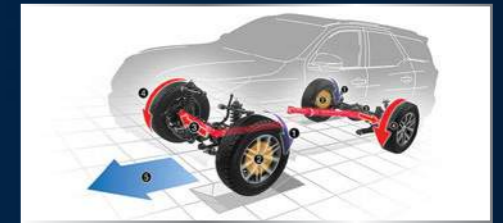
## HỆ THỐNG KHỞI HÀNH NGANG ĐỐC HAC

Khi người lái chuyển từ chân ga sang chân phanh để khởi hành ngang dốc, hệ thống HAC sẽ tự động tác động phanh tới cả 4 bánh xe trong vòng khoảng 2 giây, nhờ đó giúp chiếc xe không bị trôi dốc và dễ dàng khởi hành hơn.



## HỆ THỐNG HỖ TRỢ XƯỚNG ĐỐC ĐẠC

(Được trang bị trên 2 phiên bản 2.8L và 2.7L 4x4 AT)  
Hỗ trợ người lái trong các tình huống xuống dốc, đặc biệt hữu hiệu trong các địa hình khó khăn. Mang đến khả năng vượt địa hình tuyệt vời.



## HỆ THỐNG KIỂM SOÁT LỰC KÉO A-TRC

(Được trang bị trên 2 phiên bản 2.8L và 2.7L 4x4 AT)  
Hệ thống A-TRC tác động lên áp suất phanh ở mỗi bánh xe, nhờ đó giúp chiếc xe có thể dễ dàng tăng tốc và khởi hành trên đường trơn trượt.



# PHỤ KIỆN

## NỘI THẤT



ÓP BẠC LÊN XUỐNG  
(4 CHIẾC/BỘ)



KHAY HÀNH LÝ



BỘ THĂM TRÁI SÀN (NỈ)



BỘ THĂM TRÁI SÀN  
(CAO SU - 4 MIẾNG)



HỘP LẠNH

## TIỆN ÍCH



BƠM LỚP ĐIỆN TỬ



CHẮN NẮNG TRƯỚC



LƯỚI KHOANG HÀNH LÝ



KHAY HÀNH LÝ GẬP GỌN



BẠT PHỦ XE

## ĐIỆN TỬ



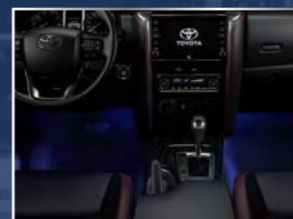
SẠC KHÔNG DÂY



CAMERA HÀNH TRÌNH  
TRƯỚC VÀ SAU



CÒI XE CAO CẤP (2 CHIẾC/BỘ)



BỘ ĐÈN SÀN (4 ĐÈN)



ĐÈN CỬA HIỆN CHỮ  
(1 ĐÈN/BỘ)



BỘ HIỂN THỊ TỐC ĐỘ



GƯƠNG ĐIỆN CHỐNG LÓA



GẤP GƯƠNG TỰ ĐỘNG

## NGOẠI THẤT



ÓP TRANG TRÍ  
PHÍA DƯỚI CÁN TRƯỚC



ÓP TRANG TRÍ  
PHÍA DƯỚI CÁN SAU



VIÊN TRANG TRÍ ĐEN HẬU  
(MẠ CRÔM) (2 CHIẾC/BỘ)



TẮM NHỰA BẢO VỆ HÓC BÀNH  
(4 CHIẾC/BỘ)



BẢO VỆ MÈP CỬA  
(4 CHIẾC/BỘ)



BỘ ỐP TAY CỬA MẠ CRÔM  
- 4 CỬA (CÓ VIÊN MẠ CRÔM)



BỘ ỐP TAY CỬA MẠ CRÔM  
- 4 CỬA (CHỈ CÓ CHEN CỬA)



BỘ ỐP TAY CỬA MẠ CRÔM  
- 4 CỬA (CÓ VIÊN MẠU ĐEN)

BỘ ỐP SƯỜN XE MẠ CRÔM  
(2 BÊN)



BỘ ỐP SƯỜN XE  
(MÀU GHI XÁM) (2 BÊN)



ÓP TRANG TRÍ NẮP CA-PO  
MẠ CRÔM (2 CHIẾC/BỘ)



ÓP TRANG TRÍ NẮP CA-PO  
(MÀU GHI XÁM) (2 CHIẾC/BỘ)



ÓP TRANG TRÍ BIỂN SỐ SAU  
MẠ CRÔM



ÓP TRANG TRÍ CÁN SAU  
MẠ CRÔM



CHỤP ỐNG XÁ



BẢO VỆ GÓC CỬA  
(4 CHIẾC/BỘ)



ÓP BẠC LÊN XUỐNG  
BẢO VỆ CÁN SAU



VÈ CHE MƯA



BẢNG THÔNG SỐ KỸ THUẬT (SPECIFICATION FULL LIST)		2.4 4x2 MT	2.4 4x2 AT	2.4 4x2 AT LEGENDER	2.8 4x4 AT	2.8 4x4 AT LEGENDER	2.7 4x4 AT(*)	2.7 4x2 AT(*)	
<b>ĐỘNG CƠ &amp; KHUNG XE / ENGINE &amp; CHASSIS</b>									
Kích thước / Dimensions	Kích thước tổng thể bên ngoài / Overall Dimension (L x W x H)	mm	4795 x 1855 x 1835						
	Chiều dài cơ sở / Wheelbase	mm	2745						
	Khoảng sáng gầm xe / Ground clearance	mm	279						
	Bán kính vòng quay tối thiểu / Minimum turning radius	m	5.8						
	Dung tích bình nhiên liệu / Fuel Tank Capacity	L	80						
Động cơ / Engine	Loại động cơ / Engine model Code	2GD-FTV (2.4L)			1GD-FTV (2.8L)		2TR-FE (2.7L)		
	Xy-lanh / No of Cyls	4 xy-lanh thẳng hàng							
	Dung tích xy-lanh / Displacement	2393			2755		2694		
	Hệ thống nhiên liệu / Fuel system	Phun nhiên liệu trực tiếp sử dụng đường ống dẫn chung, tăng áp biến thiên / Common rail direct injection & Variable nozzle turborcharger (VNT)							
	Loại nhiên liệu / Fuel type	Dầu / Diesel							
	Công suất tối đa / Max output (Kw)	hp@rpm	110 (147) / 3400		150 (201) / 3400		122 (164) / 5200		
	Mô men xoắn tối đa / Max torque	Nm@rpm	400 / 1600		500 / 1600		245 / 4000		
Tiêu chuẩn khí thải / Emission standard		Euro 4			Euro 5				
Tiêu thụ nhiên liệu / Fuel Consumption	Ngoài đô thị / Highway	6.09	6.79	7.14	7.07	7.32	9.4	9.2	
	Kết hợp / Combine	7.03	7.63	8.28	8.11	8.63	11.1	11.2	
	Trong đô thị / City	8.65	9.05	10.21	9.86	10.85	14	14.62	
<b>TRUYỀN LỰC / POWER TRAIN</b>									
Loại dẫn động / Drivetrain		Dẫn động cầu sau / RWD			Dẫn động 2 cầu bán thời gian, gài cầu điện tử / Part-time 4WD, electronic transfer switch			Dẫn động cầu sau / RWD	
Hộp số / Transmission type		Số sàn 6 cấp / 6MT	Số tự động 6 cấp / 6AT						
Chế độ lái / Multi drive mode		Có / With							
<b>KHUNG GẦM / BODY &amp; CHASSIS</b>									
Hệ thống treo / Suspension	Trước / Front	Độc lập, tay đòn kép với thanh cân bằng / Double wishbone with torsion bar							
	Sau / Rear	Phụ thuộc, liên kết 4 điểm / Four links with torsion bar							
Hệ thống lái / Steering system		Trợ lực tay lái / Steering type			Thủy lực biến thiên theo tốc độ / Hydraulic (VFC)				
Vành & lốp xe / Tire & wheel	Loại vành / Type	Mâm đúc / Alloy							
	Kích thước lốp / Size	265 / 65R17			265 / 60R18				
Phanh / Brake	Trước / Front	Đĩa tản nhiệt / Ventilated disc							
	Sau / Rear	Đĩa / Disc							
<b>NGOẠI THẤT / EXTERIOR</b>									
Cụm đèn trước / Headlamp	Đèn chiếu gần/Đèn chiếu xa / Lo-beam/Hi-beam	LED							
	Đèn chiếu sáng ban ngày / DRL (Daytime Running Light)	Có / With							
	Hệ thống điều khiển đèn tự động / Auto light control	Có / With							
	Hệ thống cân bằng góc chiếu / Headlamp leveling system	Tự động / Auto (ALS)							
	Chế độ đèn chờ dẫn đường / Follow me home	Có / With							
Cụm đèn sau / Taillamp		LED							
Đèn báo phanh trên cao / Highmounted stop lamp		LED							
Đèn sương mù / Foglamp	Trước / Front	LED							
	Sau / Rear	Không có / Without			LED	Không có / Without		LED	Có / With
Gương chiếu hậu ngoài / Outer mirror	Chức năng điều chỉnh & gập điện / Power adjust & fold	Có / With							
	Tích hợp đèn báo rẽ / Turn signal lamp	Có / With							

BẢNG THÔNG SỐ KỸ THUẬT (SPECIFICATION FULL LIST)		2.4 4x2 MT	2.4 4x2 AT	2.4 4x2 AT LEGENDER	2.8 4x4 AT	2.8 4x4 AT LEGENDER	2.7 4x4 AT(*)	2.7 4x2 AT(*)
<b>NỘI THẤT / INTERIOR</b>								
Tay lái / Steering wheel	Loại tay lái / Type	3 chấu / 3-spoke						
	Chất liệu / Material	Urethane		Bọc da, ốp gỗ, mạ bạc / Leather, wood, silver ornamentation				
	Nút bấm điều khiển tích hợp / Steering switch	Điều chỉnh âm thanh, màn hình hiển thị đa thông tin, đàm thoại rảnh tay / Audio switch, MID, hands-free phone			Điều chỉnh âm thanh, màn hình hiển thị đa thông tin, đàm thoại rảnh tay, cảnh báo chệch làn đường / Audio switch, MID, hands-free phone, LDA		Điều chỉnh âm thanh, màn hình hiển thị đa thông tin, đàm thoại rảnh tay / Audio switch, MID, hands-free phone	
Gương chiếu hậu trong / Inner mirror		2 chế độ ngày và đêm / Day & night		Chống chói tự động / EC				
Cụm đồng hồ / Instrument cluster		Đèn báo chế độ Eco / Eco indicator		Có / With				
		Màn hình hiển thị đa thông tin / MID (Multi Information Display)		Có (màn hình màu TFT 4.2") / With (color TFT 4.2")				
Ghế / Seating		Chất liệu / Material		Ni / Fabric		Da / Leather		
		Loại ghế / Type		Loại thể thao / Sport type				
Ghế trước / Front	Điều chỉnh ghế lái / Driver's seat	Chính tay 6 hướng / 6 way manual			Chính điện 8 hướng / 8 way power			
	Điều chỉnh ghế hành khách / Front passenger's seat	Chính tay 4 hướng / 4 way manual			Chính điện 8 hướng / 8 way power			
<b>TIỆN NGHI / CONVENIENCE</b>								
Hệ thống điều hòa / Air conditioner		Chính tay, 2 giàn lạnh / Manual, dual cooler		Tự động, 2 giàn lạnh / Auto, dual cooler			Tự động 2 vùng / Auto 2 zone	
Cửa gió sau / Rear air duct		Có / With						
Hệ thống âm thanh / Audio	Màn hình / Display	DVD cảm ứng 7" / 7" touch screen DVD			Màn hình cảm ứng 8" navigation / 8" touch screen navigation			
	Số loa / Number of speaker	6			11 loa JBL / 11 JBLs			6
	Cổng kết nối USB / Bluetooth	Có / With						
	Kết nối điện thoại thông minh / Smartphone connectivity	Không có / Without			Có / With			
Chìa khóa thông minh & khởi động bằng nút bấm / Smart key & push start		Không có / Without		Có / With				
Khóa cửa điện, Chức năng khóa cửa từ xa / Power door lock, Wireless door lock		Có / With						
Cốp điều khiển điện / Power back door/trunk		Không có / Without			Mô cốp rảnh tay / Kick active			Có / With
Hệ thống điều khiển hành trình / Cruise control		Không có / Without		Có / With				
<b>AN NINH - HỆ THỐNG CHỐNG TRỘM / SECURITY - ANTI - THEFT SYSTEM</b>								
Hệ thống báo động / Alarm		Có / With						
Hệ thống mã hóa khóa động cơ / Immobilizer		Có / With						
<b>AN TOÀN CHỦ ĐỘNG / ACTIVE SAFETY</b>								
Hệ thống an toàn Toyota / Toyota safety sense	Cảnh báo lệch làn đường / LDA	Không có / Without			Có / With		Không có / Without	
	Cảnh báo tiền va chạm / PCS	Không có / Without			Có / With		Không có / Without	
	Điều khiển hành trình chủ động / DRCC	Không có / Without			Có / With		Không có / Without	
Chống bó cứng phanh / ABS (Anti-block Brake System)		Có / With						
Hệ thống hỗ trợ lực phanh khẩn cấp / BA (Brake Assist)		Có / With						
Hệ thống phân phối lực phanh điện tử / EBD (Emergency Brake Distribution)		Có / With						
Hệ thống cân bằng điện tử / VSC (Vehicle Stability Control)		Có / With						
Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc / HAC (Hill Start Assist Control)		Có / With						
Đèn báo phanh khẩn cấp / EBS (Emergency Brake Signal)		Có / With						
Hệ thống kiểm soát lực kéo / TRC (Traction Control)		Có / With			Có (A-TRC) / With (A-TRC)		Có / With	
Hệ thống hỗ trợ đổ đèo / DAC (Downhill Assist Control)		Không có / Without			Có / With		Không có / Without	
Camera / Camera		Camera lùi / Back camera		Camera 360			Camera lùi / Back camera	
Cảm biến hỗ trợ đỗ xe / Sensor		Sau, Góc trước, Góc sau / Back, Front Corner, Rear Corner			Có / With			
<b>AN TOÀN BỊ ĐỘNG / PASSIVE SAFETY</b>								
Túi khí / SRS airbag		Túi khí người lái & hành khách phía trước, Túi khí đầu gối người lái, Túi khí rèm, Túi khí bên hông phía trước / Driver & Front passenger, Driver's knee, Curtain, Front Side			Có / With			
Dây đai an toàn / Seat belt		3 điểm ELR, 7 vị trí / 3 points ELRx7						

#### MÀU NGOẠI THẤT



**ID6 - Bạc**



**4W8 - Đồng**



**4W9 - Nâu**



**218 - Đen**



**040 - Trắng**

(Chỉ có trên phiên bản 2.4L 4x2 MT)



**070 - Trắng Ngọc Trai**

(Không có trên phiên bản 2.4L 4x2 MT)

#### MÀU NỘI THẤT



**Đỏ - Đen**



**Đen**

(\*) Theo thông số từ nhà sản xuất. Toyota Việt Nam sẽ công bố thông số thực tế sau khi có Chứng nhận kỹ thuật từ Cục Đăng kiểm Việt Nam.

Công ty Ô tô Toyota Việt Nam được quyền thay đổi bất kỳ đặc tính kỹ thuật nào mà không báo trước. Hình ảnh xe và một số đặc tính kỹ thuật có thể hơi khác so với thực tế.

Toyota Motor Vietnam reserves the right to alter any details of specifications and equipment without prior notice. Vehicles pictured and specifications detailed in this leaflet may vary from the actual ones.